

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

MÃ NGÀNH: 7840104

TÊN NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI

TÊN CHUYÊN NGÀNH: LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY.

HẢI PHÒNG - 2018

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 59)

Mã ngành: 7840104	Tên ngành: Kinh tế Vận tải
Tên chuyên ngành:	Logistics và chuỗi cung ứng
Trình độ:	Đại học chính quy.
Thời gian đào tạo:	4 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân ngành Logistics một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực Logistics. Sinh viên có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, nghiên cứu về các vấn đề logistics và có khả năng tiếp tục học tập, tham gia ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực logistics.

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.

2. Chuẩn đầu ra

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán chuyên đề		3.5
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	K1	3.5
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		3.5
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.2.1	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	K2	3.5
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		3.5
1.2.2	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	K2	3.5
1.2.2.1	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3.5
1.2.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2	3.5
1.2.3.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3.5
1.2.4	Pháp luật đại cương	K2	3.0
1.2.4.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		3.0
1.2.4.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		3.0
1.2.5	Đường lối cách mạng ĐCSVN	K2	3.5
1.2.5.1	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.5.2	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Giới thiệu ngành	K1	2.0
1.3.1.1	<i>Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành kinh tế</i>		2.0
1.3.2	Kinh tế vi mô	K1	2.0
1.3.2.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>		2.0
1.3.2.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>		2.0
1.3.3	Kinh tế vĩ mô	K1	2.0
1.3.3.1	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2.0
1.3.3.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2.0
1.3.4	Tài chính tiền tệ	K1	2.5
1.3.4.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		2.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.3.5	Nguyên lý kế toán	K1	2.5
1.3.5.1	Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp		2.5
1.3.5.2	Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính		2.5
1.3.6	Nguyên lý thống kê	K1	2.5
1.3.6.1	Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.		2.5
1.3.6.2	Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.		2.5
1.3.7	Kinh tế lượng	K1	3.0
1.3.8.1	Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.		3.0
1.3.8.2	Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giá.		3.0
1.3.8.3	Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.		3.0
1.3.8	Thuế vụ	K1	2
1.3.8.1	Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.		2.0
1.3.9	Logistics và vận tải đa phương thức	K1	2.5
1.3.9.1	Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế.		2.5
1.3.9.2	Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; tổ chức vận tải đa phương thức		2.5
1.3.10	Kinh tế vận chuyển đường biển	K1	3.5
1.3.10.1	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.		3.5
1.3.10.2	Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.		3.5
1.3.11	Đại lý tàu và giao nhận hàng hoá	K1	2.5
1.3.11.1	Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng biển và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận ở Việt Nam. Trang bị		2.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về hoạt động môi giới trong lĩnh vực hàng hải.</i>		
1.3.12	Phân tích hoạt động kinh tế ngành LQC	K1	3.0
1.3.12.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.3.12.2	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		3.0
1.3.13	Giao dịch thương mại QT	K1	2.5
1.3.13.1	<i>Có kiến thức một cách tổng quát về các nghiệp vụ mua bán hàng hóa chủ yếu trên thị trường thế giới, cách thức tạo lập và tiến hành các giao dịch hợp đồng.</i>		2.5
1.3.13.2	<i>Có kiến thức cơ bản về các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán quốc tế bao gồm các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực, những quy định liên quan đến hình thức của hợp đồng, nội dung cơ bản của một hợp đồng mua bán quốc tế,...</i>		2.5
1.3.14	Pháp luật thương mại QT	K1	3.0
1.3.14.1	<i>Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới</i>		3.0
1.3.14.2	<i>Có kiến thức về hợp đồng kinh doanh quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản như giới thiệu tổng quan, điều kiện hiệu lực, hợp đồng điện tử...</i>		3.0
1.3.14.3	<i>Có kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế, bao gồm kiến thức tổng quan và các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán và không mang tính tài phán</i>		3.0
1.3.15	Thực tập cơ sở ngành	K1	2.5
1.3.15.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo</i>		2.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Logistics toàn cầu	K1	3.5
1.4.1.1	<i>Có hiểu biết một cách hệ thống về hoạt động, bối cảnh của logistics toàn cầu</i>		3.5
1.4.1.2	<i>Có thể triển khai một tình huống tổ chức Logistics quốc tế</i>		3.5
1.4.2	Marketing Logistics	K1	3.0
1.4.2.1	<i>Có thể hiểu các khái niệm cơ bản về marketing</i>		3.0
1.4.2.2	<i>Có thể hiểu và giải thích mối quan hệ giữa các hoạt động Logistics và chiến lược marketing</i>		3.0
1.4.3	Logistics cảng biển	K1	4.0
1.4.3.1	<i>Có thể hiểu biết và giải thích một cách hệ thống về cấu trúc, thành phần, hạ tầng, trang thiết bị, chức năng và hoạt động cảng biển</i>		4.0
1.4.3.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics cảng biển</i>		4.0
1.4.4	Logistics vận tải	K1	4.0
1.4.4.1	<i>Có hiểu biết về các phương thức vận tải và vai trò của hoạt động vận tải trong chuỗi logistics</i>		4.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.4.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics vận tải</i>		4.0
1.4.5	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	K1	3.0
1.4.5.1	<i>Có thể hiểu vai trò, yêu cầu và vấn đề đặt ra đối với quản trị chuỗi cung ứng</i>		3.0
1.4.5.2	<i>Có hiểu và giải thích được các nguyên tắc, đặc điểm của các chiến lược quản trị chuỗi cung ứng</i>		3.0
1.4.6	Thiết kế hệ thống logistics	K1	3.5
1.4.6.1	<i>Có thể hiểu vị trí, vai trò của của hoạt động thiết kế hệ thống Logistics trong việc tổ chức, điều hành các chuỗi và hệ thống Logistics, chuỗi cung ứng</i>		3.5
1.4.6.2	<i>Có thể sử dụng các công cụ phần mềm để thiết kế hệ thống logistics</i>		3.5
1.4.6.3	<i>Có thể phân tích kết quả của các mô hình hệ thống logistics từ phần mềm để đưa ra các hỗ trợ ra quyết định</i>		3.5
1.4.7	Quản trị kho hàng	K1	4.0
1.4.7.1	<i>Có hiểu biết về các bộ phận, cấu trúc và các loại kho hàng cũng như hệ thống trang thiết bị trong kho hàng</i>		4.0
1.4.7.2	<i>Có thể hiểu, mô tả và giải thích các nguyên lý quản trị kho hàng</i>		4.0
1.4.7.3	<i>Có khả năng thiết kế một kho hàng theo tình huống cụ thể</i>		4.0
1.4.8	Logistics dịch vụ	K1	3.5
1.4.8.1	<i>Có hiểu biết về chức năng của các nhà cung cấp dịch vụ</i>		3.5
1.4.8.2	<i>Có khả năng vận dụng quy trình dịch vụ cho các tình huống cụ thể</i>		3.5
1.4.9	Thực tập chuyên ngành	K4	3.0
1.4.9.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo mô tả về một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm tại doanh nghiệp</i>		3.0
1.4.10	Thực tập tốt nghiệp	K5	4.0
1.4.10.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo mô tả, phân tích về thực tiễn thực hiện một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics... trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp</i>		4.0
1.5	Kiến thức tự chọn		
1.5.1	Tin học văn phòng	K3	3.0
1.5.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của MS Word, MS Excell giải quyết các vấn đề soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính. Cho thấy khả năng sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word, MS Excell.</i>		3.0
1.5.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế	K1	2.5
1.5.2.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		2.5
1.5.2.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		2.5
1.5.3	Kiến thức về luật vận tải biển	K1	2.0
1.5.3.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về các công ước quốc tế và luật pháp Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển</i>		2.0
1.5.4	Thị trường Chứng khoán	K1	3.0
1.5.4.1	<i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.5.4.2	<i>Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...</i>		3.0
1.5.4.3	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i>		3.0
1.5.5	Môi trường và bảo vệ môi trường	K1	2.0
1.5.5.1	<i>Có hiểu biết cơ bản các kiến thức cơ bản về môi trường, suy thoái và ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các biện pháp bảo vệ môi trường</i>		2.0
1.5.6	Kỹ năng mềm 1	K1	3.0
1.5.6.1	<i>Có khả năng hiểu các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm để áp dụng vào việc học tập, nghiên cứu và môi trường thực tế.</i>		3.0
1.5.7	Kỹ năng mềm 2	K1	3.0
1.5.7.1	<i>Có khả năng hiểu các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng lập hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng làm việc hiệu quả.</i>		3.0
1.5.8	Kinh tế công cộng		3.0
1.5.8.1	<i>Có khả năng hiểu về các chủ đề kinh tế công cộng. Nghiên cứu hiệu quả kinh tế cũng như vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.</i>		3.0
1.5.9	Kiến thức ngoại ngữ	K1	3.0
1.5.10	Văn hoá Doanh nghiệp	K1	3.0
1.5.11	Quản trị Doanh nghiệp	K1	2.5
1.5.11.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		2.5
1.5.11.2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>		2.5
1.5.12	Khoa học quản lý	K1	2.0
1.5.12.1	<i>Có khả năng hiểu về lý thuyết hệ thống trong quản lý, tổng quan về quản lý, các quy luật và các nguyên tắc trong quản lý.</i>		2.0
1.5.12.2	<i>Có khả năng hiểu, nhận xét và phân tích các chức năng quản lý, các phương pháp và nghệ thuật quản lý.</i>		2.0
1.5.13	Bảo hiểm trong NT	K1	2.5
1.5.13.1	<i>Hiểu được khái niệm chung về bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm, các nguyên tắc xác định giá trị và bồi thường tổn thất của đối tượng bảo hiểm.</i>		2.5
1.5.14	Khoa học giao tiếp	K1	2.5
1.5.14.1	<i>Có kiến thức cơ bản và hệ thống về giao tiếp, vai trò của giao tiếp trong kinh doanh quốc tế, các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp</i>		2.5
1.5.14.2	<i>Hiểu, phân tích và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong kinh tế đối ngoại như cách lập một số loại thư tín thương mại; cách sắp xếp chỗ ngồi cho các buổi lễ, sự kiện; cách thức tổ chức một buổi lễ; kiến thức cơ bản về đàm phán</i>		2.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.5.15	Nghiệp vụ hải quan	K1	2.5
1.5.15.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hải quan, chủ yếu được xem xét từ góc độ người chủ hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu		2.5
1.5.15.2	Thành thạo các nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa, kỹ năng lập bộ hồ sơ hải quan và thực hiện quy trình khai hải quan		2.5
1.5.16	Quản trị nhân lực	K1	2.0
1.5.17	Quan hệ kinh tế quốc tế	K1	2.0
1.5.18	Khóa luận tốt nghiệp	K5	4.0
1.5.19	Kinh doanh dịch vụ Logistics	K5	4.0
	Hiểu những vấn đề cơ bản của dịch vụ Logistics và có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ Logistics cho khách hàng		
1.5.20	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	K5	4.0
	Hiểu sự khác biệt giữa Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng cũng như có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý Logistics và Chuỗi cung ứng		

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN		
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	3.5
2.1.1.1	Xác định được dữ liệu và các hiện tượng		3.5
2.1.1.2	Phân tích các giả định		3.5
2.1.2	Mô hình hóa	S1	3.5
2.1.2.1	Hiểu các mô hình		3.5
2.1.2.2	Phân tích các mô hình		3.5
2.1.3	Ước lượng và phân tích định tính	S1	3.5
2.1.2.1	Hiểu và phân tích các biên độ, giới hạn và khuynh hướng		3.5
2.1.2.2	Phân tích các giới hạn		3.5
2.1.4	Phân tích các yếu tố bất định	S1	3.5
2.1.4.1	Phát hiện các yếu tố bất định		3.5
2.1.4.2	Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố bất định đến kết quả		3.5
2.1.5	Các giải pháp và khuyến nghị	S1	3.5
2.1.5.1	Chọn các kết quả quan trọng của các giải pháp và kiểm tra dữ liệu		3.5
2.1.5.2	Phát hiện các khác biệt trong các kết quả		3.5
2.2	Tư duy tầm hệ thống		
2.2.1	Tư duy toàn cục	S3	3.5
2.2.1.1	Hiểu hệ thống, chức năng, sự vận hành và các thành phần của hệ thống		3.5
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	S3	3.5
2.2.2.1	Phát hiện tất cả các nhân tố liên quan đến toàn hệ thống		3.5
2.2.2.2	Phát hiện các nhân tố chính yếu từ trong hệ thống		3.5
2.4	Thái độ, tư tưởng và học tập		

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
2.4.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	S1	3.5
2.4.1.1	<i>Xác định ý thức trách nhiệm về kết quả</i>		3.5
2.4.1.2	<i>Cho thấy sự tự tin, lòng can đảm, và niềm đam mê</i>		3.5
2.4.1.3	<i>Cho thấy Sự quyết tâm hoàn thành mục tiêu</i>		3.5
2.4.2	Tư duy suy xét	S1	3.0
2.4.2.1	<i>Giải thích mục đích, nêu vấn đề hoặc sự kiện</i>		3
2.4.2.2	<i>Áp dụng những lập luận lô-gic (và biện chứng) và giải pháp</i>		3
2.4.3	Học tập và rèn luyện suốt đời	S1	2.5
2.4.3.1	<i>Xác định động lực tự rèn luyện thường xuyên</i>		2.5
2.4.3.2	<i>Xây dựng các kỹ năng tự rèn luyện</i>		2.5
2.5	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác		
2.5.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	S2	3.5
2.5.1.1	<i>Tạo ra các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của bản thân</i>		3.5
2.5.1.2	<i>Cho thấy tính trung thực</i>		3.5
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	S2	3.5
2.5.2.1	<i>Cho thấy phong cách chuyên nghiệp</i>		3.5
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	Làm việc nhóm		
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	C1	3.5
3.1.1.1	<i>Xác định vai trò và trách nhiệm của nhóm</i>		3.5
3.1.1.2	<i>Đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm và các thành viên</i>		3.5
3.1.2	Hoạt động nhóm	S4, C1	3.5
3.1.2.1	<i>Xác định các mục tiêu và công việc cần làm</i>		3.5
3.1.2.2	<i>Vận dụng hoạch định và tạo điều kiện cho các cuộc họp có hiệu quả</i>		3.5
3.1.2.3	<i>Vận dụng giao tiếp hiệu quả (lắng nghe, hợp tác, cung cấp và đạt được thông tin một cách chủ động)</i>		3.5
3.1.2.4	<i>Cho thấy khả năng phản hồi tích cực và hiệu quả</i>		3.5
3.2	Giao tiếp		
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	S5	3.5
3.2.1.1	<i>Cho thấy khả năng viết mạch lạc và trôi chảy</i>		3.5
3.2.1.2	<i>Cho thấy khả năng viết đúng chính tả, chấm câu, và ngữ pháp</i>		3.5
3.2.1.3	<i>Cho thấy khả năng định dạng văn bản, sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word</i>		3.5
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	S5	3.5
3.2.2.1	<i>Cho thấy khả năng chuẩn bị bài thuyết trình điện tử</i>		3.5
3.2.2.2	<i>Cho thấy khả năng sử dụng thư điện tử, lời nhắn, và hội thảo qua video</i>		3.5
3.3	Giao tiếp bằng ngoại ngữ		
3.3.1	Kỹ năng nghe	S6	3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
3.3.1	<i>Có thể hiểu rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập... có thể hiểu được những điểm chính liên quan đến nghề nghiệp khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng</i>		3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc	S6	3.5
3.3.2.1	<i>Có thể hiểu được các văn bản liên quan đến công việc;</i>		3.5
3.3.3	Kỹ năng nói	S6	3.5
3.3.3.1	<i>Có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp;</i>		3.5
3.3.4	Kỹ năng viết	S6	3.5
3.3.4.1	<i>Có thể viết mạch lạc những vấn đề trong hợp đồng thuê tàu, chuyên ngành vận tải biển</i>		3.5
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP TRONG NGÀNH LOGISTICS		
4.1	Nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường thương mại toàn cầu		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người cử nhân logistics	S2,	3.0
4.1.1.1	<i>Xác định các mục tiêu và vai trò của ngành nghề</i>		3
4.1.1.2	<i>Xác định các trách nhiệm của cử nhân đối với xã hội và một tương lai bền vững</i>		3
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa của kinh tế hàng hải trên phạm vi toàn cầu	S2	3.0
4.1.2.1	<i>Phân biệt được bản chất đa dạng và lịch sử của xã hội loài người cũng như các truyền thống ngành logistics</i>		3
4.1.2.2	<i>Xác định sự quốc tế hóa của hoạt động con người</i>		3
4.1.3	Phát triển quan điểm logistics toàn cầu	S2	3.5
4.1.3.1	<i>Xác định logistics mang tính chất toàn cầu, chịu nhiều ảnh hưởng</i>		3.5
4.2	Nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành logistics		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S1	3.5
4.2.1.1	<i>Xác định sự khác biệt về quy trình, văn hóa, và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau</i>		3.5
4.2.2	Các bên liên quan	S1	3.5
4.2.2.1	<i>Xác định nghĩa vụ của các bên liên quan</i>		3.5
4.2.2.2	<i>Phân biệt các bên liên quan và các bên thụ hưởng (chủ sở hữu, nhân viên, khách hàng, v.v.)</i>		3.5

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

<i>Thang TĐNL</i>	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn dắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Logistics có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp khai thác kinh doanh dịch vụ logistics.

Cử nhân Logistics có khả năng làm việc ở các vị trí điều phối, tổ chức hoạt động logistics trong bất cứ loại hình, lĩnh vực nào mà tự tổ chức thực hiện các hoạt động logistics trong nội bộ các doanh nghiệp đó.

Cử nhân Logistics có khả năng giảng dạy, tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực được đào tạo, tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ về lĩnh vực Logistics.

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 122 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 15 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 41 TC

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 35 TC.

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 25 TC.

e. Khối kiến thức tốt nghiệp: 6 TC.

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Ngành: Kinh tế vận tải (7840104)-Chuyên ngành: Logistics và chuỗi cung ứng (D407)

Tổng cộng: 122 TC

Bắt buộc: 91 TC

Tự chọn tối thiểu: 25 TC

Tốt nghiệp: 6 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 10 TC	Học trước
1. Toán chuyên đề (18125-3TC)		1. Kinh tế vi mô (15102-3TC)	15101
2. Những NLCB của CN ML1 (19106-2TC)		2. Những NLCB của CN ML2 (19109-3TC)	19106
3. Kinh tế vi mô (15101-3TC)		3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19106
4. Tài chính tiền tệ (28301-3TC)		4. Pháp luật đại cương (11401-2TC)	
5. Giới thiệu ngành (15115-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)	
1. Tin học văn phòng (17102-3TC)		2. Kinh tế công cộng (15103-3TC)	
2. Quan hệ kinh tế quốc tế (15640-3TC)		3. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		4. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Đường lối CM của ĐCSVN (19301-3TC)	19201	1. Logistics và vận tải ĐPT (15815-3TC)	
2. Nguyên lý kế toán (28108-3TC)	28301	2. Giao dịch thương mại quốc tế (15635-3TC)	
3. Nguyên lý thống kê (15117-2TC)	18125	3. Kinh tế VC đường biển (15326-3TC)	
4. Kinh tế lượng (15105-3TC)	18125	4. Logistics toàn cầu (15805-4TC)	
5. Thuế vụ (28307-2TC)		II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)	
1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)		2. Quản trị doanh nghiệp (28214-3TC)	
2. Văn hóa doanh nghiệp (28239-3TC)			
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Đại lý tàu và giao nhận HH (15329-3TC)		1. Logistics dịch vụ (15814-3TC)	15805
2. Logistics cảng biển (15803-4TC)	15101	2. Logistics vận tải (15804-5TC)	15815
3. Pháp luật thương mại quốc tế (15631-3TC)		3. Phân tích HĐKT ngành LQC (15133-3TC)	
4. Thực tập cơ sở ngành (15831-2TC)		4. Marketing Logistics (15816-2TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Khoa học quản lý (15211-2TC)		1. Khoa học giao tiếp (15607-2TC)	
2. Nghiệp vụ hải quan (15610-2TC)		2. Thị trường chứng khoán (28103-2TC)	15102
3. Bảo hiểm trong ngoại thương (15619-2TC)		3. Pháp luật kinh tế (11469-2TC)	11401
4. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 4 TC	Học trước
1. Quản trị CL chuỗi cung ứng (15811-2TC)	15815	1. Thực tập tốt nghiệp (15833-4TC)	15832
2. Thiết kế hệ thống logistics (15807-4TC)	15815	II. Tự chọn tốt nghiệp: 6/12	
3. Quản trị kho hàng (15817-5TC)		1. Khóa luận tốt nghiệp (15812-6TC)	15803,15804
4. Thực tập chuyên ngành (15832-2TC)	15831	2. Kinh doanh DV Logistics (15839-3TC)	15803,15804
II. Tự chọn		3. Logistics và quản trị CCU (15840-3TC)	15803,15804
1. Luật vận tải biển (15302-3TC)	15326		
2. Quản trị nhân lực (28205-3TC)			

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Logistic và chuỗi cung ứng hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Cử nhân ngành Kinh tế vận tải, chuyên ngành Logistic và chuỗi cung ứng.